TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2017.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Thủy.

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Ấp AH, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Quốc D, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: ấp HL, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2017 của nguyên đơn – chị T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và anh D chung sống với nhau vào ngày 12-4-2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 34/2015 ngày 03-3-2015 tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Chị và anh D chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do anh D không lo làm kinh tế gia đình, thường xuyên vắng nhà vào ban đêm, mỗi lần anh D vắng nhà thì anh D nói với chị là đi uống cà phê nhưng chị không biết anh D đi đâu, làm gì. Ngoài ra anh D còn tự ý bán số vàng của vợ chồng là 10 chỉ vàng 9999 để dùng tiêu xài cá nhân. Chị khuyên nhiều lần nhưng anh D không thay đổi, nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 20-5-2017, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là cháu Trương Quang K, sinh ngày 20-01-2016, cháu K hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh D trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng do anh làm Công an xã nhưng chị T không đồng ý nên mới bỏ về nhà cha, mẹ chị T sống.

Đối với yêu cầu của chị T, anh không đồng ý ly hôn với chị T. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao con chung là cháu K, sinh ngày 20-01-2016 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T đối với anh D.

Về con chung: Giao con chung cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh D vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, mất lòng tin với nhau nên dẫn đến mâu thuẫn.

Tình trạng vợ chồng giữa chị T và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu K, sinh ngày 20-01-2016. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và đang có nghề nghiệp ổn định, cháu K cần phải có sự trông nom, chăm sóc của cha mẹ. Việc giao con cho ai nuôi phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Mặt khác cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi và đang do chị T nuôi dưỡng, chị T có khả năng đảm bảo tốt về mọi mặt cho sự phát triển của cháu K, anh D cũng đồng ý giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng. Tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp muôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận theo yêu cầu của chị T, giao cháu K cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh D đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hoặc một lần theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có

giá ngạch. Do đó chị T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh D phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh D.

2. Về con chung: Chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, sinh ngày 20-01-2016.

Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K, sinh ngày 20-01-2016 hàng tháng số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ ngày 25-7-2017 cho đến khi cháu K thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

4.1. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008984 ngày 19-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- UBND xã AH;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Nghện